

Bản án số: 36/2021/HS-ST  
Ngày 22-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà Lê Thị Hương  
+ Ông Phạm Ngọc Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Từ Sĩ Trần Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

**Hoàng Thị Thu T**, sinh năm 1979, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thọ P (Đã chết) và bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1953; có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (Đã ly hôn) và 05 con: lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án/ Tiền sự: Không;

- Nhân thân:

Ngày 25-02-2000 bị Tòa án nhân dân thị xã P (Nay là Tòa án nhân dân thành phố P), tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”.

Hiện bị cáo Hoàng Thị Thu T đang chấp hành Lệnh cấm, đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Hoàng Thị Thanh T, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

**- Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Thọ Thế D, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

**- Người làm chứng:**

+ Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

+ Bà Phạm Thị Minh T (H), sinh năm 1950; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị T (T1), sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn L1, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn Tú, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp Hòa Bình, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Bà Lưu Thị Phi Y (P), sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn L1, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

+ Bà Phan Thị Duyên T (L), sinh năm 1978; Nơi cư trú: Khu phố y, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Khu phố y, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Nhật Dũng, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên trong thời gian từ ngày 08-02-2021 đến ngày 01-3-2021, Hoàng Thị Thu T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tiền tại nhà bà Nguyễn Thị Bích P (Sinh năm 1983, tại khu phố x, thị trấn P, huyện N, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 08-02-2021, Hoàng Thị Thu T đi đến nhà bà Nguyễn Thị Bích P để trả tiền góp. Khi đến nơi thì nhìn thấy bà P đang ở phía sau nhà và biết bà P thường để tiền trong tủ sắt, nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và lén đi vào phòng của bà P mở tủ sắt, lục tìm ví da lấy được 03 cọc tiền mệnh giá 500.000đ tiền Việt Nam bỏ vào túi áo của mình và nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài đi về nhà. Sau khi lấy trộm được số tiền của bà P, T kiểm đếm được tổng số tiền là 30.000.000đ (mỗi cọc 10.000.000đ), sau đó T cho mẹ ruột của mình tên Phạm Thị Kim T, sinh năm 1953 ở thôn L, xã A, huyện N số tiền 2.000.000đ; trả nợ cho bà Phạm Thị Minh T (H), sinh năm 1950 ở thôn L, xã A, huyện N số tiền 500.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị T (T1), sinh năm 1958 ở thôn L, xã A, huyện N số tiền 1.000.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988 ở thôn L1, xã A, huyện N số tiền 2.000.000đ; đưa cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 ở ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai số tiền 1.000.000đ để đem trả cho bà Lưu Thị Phi Y (P), sinh năm 1973 ở thôn L1, xã A, huyện N; trả nợ cho bà Phan Thị Duyên T (L), sinh năm 1978 ở khu phố y, phường T, thành phố P 4.000.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị

Bích P, sinh năm 1983 ở khu phố 8, thị trấn P, huyện N số tiền 500.000đ; số tiền còn lại, T đem sửa chữa nhà cửa của mình khoảng 5.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01-3-2021, Hoàng Thị Thu T đi đến nhà bà Nguyễn Thị Bích P để thế chấp điện thoại, nhưng bà P không đồng ý. Phát hiện bà P đi ra phía sau nhà nhưng không có người trông coi phía trước, nên T đã lẻn vào phòng của bà P lục tìm lấy được 01 cọc tiền mệnh giá 500.000đ và mệnh giá 200.000đ tiền Việt Nam trong túi áo khoác đang treo trong phòng bỏ vào túi áo của mình và nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài đi về nhà. Sau khi lấy trộm được số tiền của bà P, T kiểm đếm được tổng số tiền là 20.000.000đ. Sau đó T đem cất giấu 16.000.000đ, còn lại 4.000.000đ T mang theo trong người để tiêu xài cá nhân. Do nghi ngờ T lấy trộm tiền, nên bà P đến trình báo Công an thị trấn P để điều tra làm rõ. Quá trình điều tra, Hoàng Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tự nguyện giao nộp số tiền còn lại 19.664.000đ và tự khai ra lần phạm tội trước đó tại nhà bà P.

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hoàng Thị Thu T phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Hoàng Thị Thu T tự thú, thành khẩn khai báo; tài sản đã thu hồi một phần. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm r, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

+ Số Tiền 19.664.000đ do Hoàng Thị Thu T giao nộp. Quá trình điều tra đã xác định được, số tiền này là của bà Nguyễn Thị Bích P.

+ 01 xe mô tô máy kiểu dáng Dream, biển số 85D1 – 103.01, có số máy: VTT1P50FMG160330, số khung: VTTDCG024TT1603320, là tài sản của ông Hoàng Thọ Thế D (sinh năm 1991; cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là em ruột của bị cáo T), T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, nhưng ông D không biết nên Cơ quan Điều tra giao trả cho ông Hoàng Thọ Thế Doanh.

- Đối với Phạm Thị Kim T, Nguyễn Văn T, Lưu Thị Phi Y (P), Phạm Thị Minh T (H); Nguyễn Thị T (T1); Nguyễn Thị Thanh T, Phan Thị Duyên T (L). Quá trình điều tra xác định những người này không biết số tiền đem trả, cho là do Hoàng Thị Thu T phạm tội mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý hình sự.

- Về dân sự:

+ Bị hại bà Nguyễn Thị Bích P yêu cầu Hoàng Thị Thu T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 50.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã thu hồi được số 19.664.000đ. Do đó, T phải có trách nhiệm bồi thường cho bà P số tiền còn lại là 30.336.000đ.

Tại phiên toà bị cáo Hoàng Thị Thu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-HS, ngày 11-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Hoàng Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Thu T phạm tội “trộm cắp tài sản. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm g (Phạm tội 02 lần trở lên) khoản 1 Điều 52; điểm r, s (Người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo và tài sản đã được thu hồi một phần) khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thu T từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Hoàng Thị Thu T không trình bày tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Thu T tranh luận đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Thị Thu T không bổ sung thêm.

Người bị hại có ý kiến tranh luận tại phiên tòa yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản thực nghiệm điều tra cùng với các

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền xài cá nhân và trả nợ nên trong thời gian từ ngày 08-02-2021 đến ngày 01-3-2021, bị cáo Hoàng Thị Thu T, đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút, bí mật trộm cắp tiền tại nhà bà Nguyễn Thị Bích P, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 08-02-2021, bị cáo Hoàng Thị Thu T đi đến nhà bà Nguyễn Thị Bích P để trả tiền góp. Khi đến nơi thì nhìn thấy bà P đang ở phía sau nhà và biết bà P thường để tiền trong tủ sắt, nên bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và lén đi vào phòng của bà P mở tủ sắt, lục tìm ví da lấy được 03 cọc tiền mệnh giá 500.000đ tiền Việt Nam bỏ vào túi áo của mình và nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài đi về nhà. Sau khi lấy trộm được số tiền của bà P, bị cáo T kiểm đếm được tổng số tiền là 30.000.000đ (mỗi cọc 10.000.000đ), sau đó bị cáo T cho mẹ ruột của mình tên Phạm Thị Kim T số tiền 2.000.000đ; trả nợ cho bà Phạm Thị Minh T (H) số tiền 500.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị T (T1) số tiền 1.000.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh Trầm số tiền 2.000.000đ; đưa cho ông Nguyễn Văn Tú số tiền 1.000.000đ để đem trả cho bà Lưu Thị Phi Y (P); trả nợ cho bà Phan Thị Duyên T (L) số tiền 4.000.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 500.000đ; số tiền còn lại, bị cáo T đem sửa chữa nhà cửa của mình khoảng 5.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01-3-2021, bị cáo Hoàng Thị Thu T đi đến nhà bà Nguyễn Thị Bích P để thế chấp điện thoại, nhưng bà P không đồng ý. Phát hiện bà P đi ra phía sau nhà nhưng không có người trông coi phía trước, nên bị cáo T đã lén vào phòng của bà P lục tìm lấy được 01 cọc tiền mệnh giá 500.000đ và mệnh giá 200.000đ tiền Việt Nam trong túi áo khoác đang treo trong phòng bỏ vào túi áo của mình và nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài đi về nhà. Sau khi lấy trộm được số tiền của bà P, bị cáo T kiểm đếm được tổng số tiền là 20.000.000đ. Sau đó bị cáo T đem cất giấu 16.000.000đ, còn lại 4.000.000đ bị cáo T mang theo trong người để tiêu xài cá nhân.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Hoàng Thị Thu T chiếm đoạt hai lần của bà Nguyễn Thị Bích P được xác định là 50.000.000đ. Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền còn lại 19.664.000đ. Hành vi của bị cáo Hoàng Thị Thu T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhận dân huyện N là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xác định nguyên nhân, lỗi, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ nhu cầu muốn có tiền tiêu dùng cá nhân và trả nợ, không nhằm mục đích làm nguồn sống; hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; Tội phạm bị cáo thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 07 năm tù.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Thị Thu T phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Hoàng Thị Thu T tự thú, thành khẩn khai báo; tài sản đã thu hồi một phần. Đây là

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm r, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[6]. Về nhân thân: Vào ngày 25-02-2000 bị cáo Hoàng Thị Thu T bị Tòa án nhân dân thị xã P (Nay là Tòa án nhân dân thành phố P), tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”. Đáng lẽ ra, bị cáo T phải lấy đó làm bài học cho bản thân, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, nên đã tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn huyện N. Hội đồng xét xử thấy bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng cho bị cáo T tình tiết này.

[7]. Quyết định hình phạt chính đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo đó là “tài sản đã thu hồi một phần” cho bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm từ hai lần trở lên. Do đó, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô máy kiểu dáng Dream, biển số 85D1 – 103.01, có số máy: VTT1P50FMG160330, số khung: VTTDCG024TT1603320, là tài sản của ông Hoàng Thọ Thế D, bị cáo T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, nhưng ông D không biết nên Cơ quan Điều tra giao trả cho ông D và ông D đã nhận theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13-4-2021 là phù hợp.

- Đối với số tiền 19.664.000đ do Hoàng Thị Thu T giao nộp. Quá trình điều tra đã xác định được, số tiền này là của bà Nguyễn Thị Bích P. Hội đồng xét xử thấy phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích P là có căn cứ. Theo giấy ủy nhiệm chi ký hiệu số C4-02a/KB, lập ngày 19-5-2021.

- Đối với Phạm Thị Kim T, Nguyễn Văn T, Lưu Thị Phi Y (P), Phạm Thị Minh T (H); Nguyễn Thị T (T1); Nguyễn Thị Thanh T, Phan Thị Duyên T (L). Quá trình điều tra xác định những người này không biết số tiền đem trả, cho là do Hoàng Thị Thu T phạm tội mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý hình sự. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị Bích P yêu cầu bị cáo Hoàng Thị Thu T phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 30.336.000đ. Bị cáo Hoàng Thị Thu T đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 30.336.000đ cho bà Nguyễn Thị Bích P. Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo Hoàng Thị Thu T phải tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 30.336.000đ.

[10]. Xét quan điểm bào chữa của Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Thu T là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[11]. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điều 38, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Thu T 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành thi hành án.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 48, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 19.664.000đ theo giấy ủy nhiệm chi ký hiệu số C4-02a/KB, lập ngày 19-5-2021

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Hoàng Thị Thu T phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 30.336.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22-6-2021). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ vướng mắc được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Bình**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương – Phạm Ngọc Minh**

**Nguyễn Thanh Bình**

